

**Xác định chữ cái nào thể hiện tốt nhất trọng lượng.****Câu trả lời****Onza (oz)**

Una onza es aproximadamente el peso de una rebanada de pan.

**Libra (lb)**

Uma libra é mais ou menos o peso de uma lata de vegetais.

**Recordar:**

Hay 16 onzas en 1 libra.

1)



cân nặng của một gallon sữa

- A. 16 ounces
- B. 40 pounds
- C. 8 pounds
- D. 1 tấn

2)



cân nặng của một con bọ cánh cứng

- A. 3 ounces
- B. 1 tấn
- C. 5 pounds
- D. 0.04 ounces

3)



cân nặng của một chiếc xe đồ chơi nhỏ

- A. 1 tấn
- B. 0.03 ounces
- C. 1 ounce
- D. 5 pounds

4)



cân nặng của một lò vi sóng

- A. 150 pounds
- B. 25 pounds
- C. 50 ounces
- D. 2 tấn

5)



cân nặng của một quả bóng bầu dục

- A. 4 ounces
- B. 6 pounds
- C. 1 tấn
- D. 1 pound

6)



cân nặng của một máy cắt cỏ

- A. 3 tấn
- B. 60 pounds
- C. 80 ounces
- D. 250 pounds

7)



cân nặng của một máy bán hàng tự động

- A. 900 ounces
- B. 3500 pounds
- C. 25 tấn
- D. 700 pounds

8)



cân nặng của một quả cam

- A. 1 tấn
- B. 7 ounces
- C. 0.2 ounces
- D. 7 pounds

9)



cân nặng của một xe buýt trường học

- A. 1000 ounces
- B. 5000 pounds
- C. 24000 pounds
- D. 100 tấn

- 1. _____
- 2. _____
- 3. _____
- 4. _____
- 5. _____
- 6. _____
- 7. _____
- 8. _____
- 9. _____

**Xác định chữ cái nào thể hiện tốt nhất trọng lượng.****Onza (oz)**

Una onza es aproximadamente el peso de una rebanada de pan.

**Libra (lb)**

Uma libra é mais ou menos o peso de uma lata de vegetais.

**Recordar:**

Hay 16 onzas en 1 libra.

Câu trả lời

1)



cân nặng của một gallon sữa

- A. 16 ounces
- B. 40 pounds
- C. 8 pounds
- D. 1 tấn

2)



cân nặng của một con bọ cánh cứng

- A. 3 ounces
- B. 1 tấn
- C. 5 pounds
- D. 0.04 ounces

3)



cân nặng của một chiếc xe đồ chơi nhỏ

- A. 1 tấn
- B. 0.03 ounces
- C. 1 ounce
- D. 5 pounds

4)



cân nặng của một lò vi sóng

- A. 150 pounds
- B. 25 pounds
- C. 50 ounces
- D. 2 tấn

5)



cân nặng của một quả bóng bầu dục

- A. 4 ounces
- B. 6 pounds
- C. 1 tấn
- D. 1 pound

6)



cân nặng của một máy cắt cỏ

- A. 3 tấn
- B. 60 pounds
- C. 80 ounces
- D. 250 pounds

7)



cân nặng của một máy bán hàng tự động

- A. 900 ounces
- B. 3500 pounds
- C. 25 tấn
- D. 700 pounds

8)



cân nặng của một quả cam

- A. 1 tấn
- B. 7 ounces
- C. 0.2 ounces
- D. 7 pounds

9)



cân nặng của một xe buýt trường học

- A. 1000 ounces
- B. 5000 pounds
- C. 24000 pounds
- D. 100 tấn

- 1. **C**
- 2. **D**
- 3. **C**
- 4. **B**
- 5. **D**
- 6. **B**
- 7. **D**
- 8. **B**
- 9. **C**